

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hoa

2. Ông Biện Hữu Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Anh Đ, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số nhà 113, tổ 3, ấp 1, xã G, huyện Đ, Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Số nhà 139, tổ 3, ấp 1, xã G, huyện Đ, Đồng Nai.

(Chị Đ có mặt, anh Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2021, bản tường trình, bản tự khai, biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Vũ Thị Anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2008. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q hay đi nhậu về kiếm chuyện đánh vợ. Chị cũng nhận thấy vợ chồng không còn hợp nhau nên chị đã về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh Quý 03 năm nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, không thể hàn gắn đoàn tụ chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và Nguyễn Vũ Phương V, sinh ngày 16/11/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả 02 con chung. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng/con chung, tổng cộng 5.000.000đ/tháng/02 con chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày có bản án, quyết định của Tòa án cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị xác định có đủ khả năng tự mình nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung nên chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Theo các biên bản ghi lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đ tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G Canh, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2008. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng đạo giáo, vợ chồng không tin tưởng nhau trong công việc và cuộc sống hàng ngày. Do đó chị Đ đã về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh 03 năm nay. Anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị Đ nên đồng ý ly hôn với chị Vũ Thị Anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và Nguyễn Vũ Phương V, sinh ngày 16/11/2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Do anh bận công việc không tham gia phiên tòa được nên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

- Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, tổng đạt văn bản tố tụng, giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu: Tòa án xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Đ và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, khả năng đoàn tụ không có, anh Q cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ. Đề nghị cho chị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Chị Đ và anh Q đều có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, xét thấy các con chung là nữ, đang ở tuổi dậy thì, hiện đang sống cùng chị Đ và cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Đề nghị giao con chung cho chị Đ nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị Đ không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời anh Q không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đ, anh Q được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Anh Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q cư trú tại xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Anh Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Vũ Thị Anh Đ và anh Nguyễn Văn Q đăng ký kết hôn năm 2008 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[5] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Vũ Thị Anh Đ là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Q là bị đơn.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Anh Đ và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 27/10/2008 nên hôn nhân của anh chị được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ: Chị Đ xin ly hôn với lý do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến, đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân 03 năm và hiện nay chị không còn tình cảm với anh Q. Anh Q cũng thừa nhận vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ và đã sống ly thân. Xét thấy, Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”. Tuy nhiên, chị Đ và anh Q không còn sống chung với nhau đã 03 năm, không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nên có đủ cơ sở kết luận vợ chồng chị Đ và anh Q thật sự mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Anh Q cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, chị Đ xin ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị Đ và anh Q có 02 con chung hiện đang do chị Đ nuôi dưỡng. Chị Đ và anh Q đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Xét thấy: Cả chị Đ và anh Q đều có đủ điều kiện nuôi con chung, tuy nhiên, hai cháu Nguyễn Vũ Thùy T và cháu Nguyễn Vũ Phương V là nữ, đang ở tuổi dậy thì cần được sự quan tâm của mẹ nhiều hơn. Cháu T và cháu V có nguyện vọng ở với chị Đ. Đồng thời trong thời gian ly thân, chị Đ chăm sóc tốt con chung, hai con chung được đi học đầy đủ, các cháu phát triển bình thường. Do đó, giao cả 02 con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm thời, anh Nguyễn Văn Q không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do chị Vũ Thị Anh Đ chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, anh Q có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Đ, anh Q có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Anh Đ. Chị Vũ Thị Anh Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Nguyễn Vũ Thùy T, sinh ngày 23/11/2009 và cháu Nguyễn Vũ Phương V, sinh ngày 16/11/2013 cho chị Vũ Thị Anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm thời anh Nguyễn Văn Q không phải thực hiện nghĩa vụ nuôi con chung do chị Vũ Thị Anh Đ chưa yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Đ và anh Q có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Vũ Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Vũ Thị Anh Đ đã nộp theo biên lai số 0005732 ngày 25/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị Vũ Thị Anh Đ đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Anh Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

